

CÁC THÌ CỦA ĐỘNG TỪ - HÔM QUÁ, HÔM NAY, VÀ NGÀY MAI

Động từ thay đổi dạng nhằm minh họa thời gian mà một sự kiện nào đó đang xảy ra, sẽ xảy ra, hoặc đã xảy ra rồi. Thời gian được chỉ định gọi là thì (tense) của một động từ. Chúng ta hãy xem cách thành lập ba thì - present, past, và future.

Vấn đề 1 - Hôm nay - Thì hiện tại

Chúng ta dùng present tense để minh họa một điều gì đó hiện đang xảy ra. Chúng ta cũng sử dụng nó để minh họa một thói quen, một điều gì đó luôn xảy ra.

Example: Terry accepts your invitation. Accepts là dạng present tense của động từ to accept. ở đây, thì hiện tại chỉ định hành động xảy ra trong hiện tại.

Kim designs clothes for Macy's. Designs là dạng present tense. Ở đây, nó minh họa hành động cho thói quen; nói cách khác, Kim thiết kế trang phục cho gia đình Macy mọi lúc.

Chúng ta hãy xem các dạng present tense của động từ to move.

i move we move

you move you move

he moves they move

she moves

it moves

TEST 1. Sau mỗi đại từ, hãy viết dạng thì hiện tại đúng của động từ được cho.

1. to play it plays 3. to sketch they

2. to teach she 4. to manage he

Lưu ý: Không phải tất cả động từ tận cùng là y cũng sẽ được thêm s trong present tense. Hãy xem những ví dụ dưới đây:

PRESENT TENSE FORMS he enjoys, she enjoys he replies, she replies

Vấn đề 2 - Hành động tiếp diễn

Các verb phrase chẳng hạn như is going và am typing biểu thị hành động trong hiện tại đang được tiếp diễn. Chúng ta gọi các dạng này là thì hiện tại tiếp diễn (present Progressive tense). Thì hiện tại tiếp diễn luôn được thành lập với một trợ động từ của to be - am, is hoặc are cộng với present participle.

Example: I am being careful. Am being là thì hiện tại tiếp diễn.

You are going, aren't you? Are going là thì hiện tại tiếp diễn.

She is working on her status report. Is working là thì hiện tại tiếp diễn.

They are moving to new quarters. Are moving là thì hiện tại tiếp diễn.

TEST 2. Sau mỗi đại từ, hãy viết thì hiện tại tiếp diễn đúng của động từ được cho.

1. to print she is printing

2. to walk he 5. to analyze you

3. to order they 6 to check 1

4. to take it

Vấn đề 3 - Hôm qua - Thì quá khứ

Chúng ta sử dụng past tense để biểu thị sự kiện nào đó đã xảy ra trong quá khứ.

Example: They acknowledge our letter very promptly. Acknowledged là past tense của động từ to acknowledge.

Như bạn thấy, thì past tense được thành lập bằng cách thêm d, hoặc ed vào dạng hợp qui tắc. Đối với những động từ tận cùng là y, đổi y sang i trước khi thêm ed, chẳng hạn như replied, tried, V. V. . .

TEST 3. Sau mỗi đại từ hãy viết dạng past tense của động từ được cho. (Gợi ý: Đối với một số động từ/ bạn phải gấp đôi mẫu tự đứng sau cùng trước khi thêm ed. Hãy tra từ điển nếu không biết chính xác).

1. to sign he signed 4. to acknowledge they

2. to help it 5. to transfer she

Vấn đề 4 - Hành động tiếp diễn trong quá khứ

Bằng cách sử dụng trợ động từ ở thì quá khứ was và were, chúng ta có thể thành lập các dạng của thì quá khứ tiếp diễn để minh họa hành động đã tiếp diễn trong quá khứ. Thì quá khứ tiếp diễn được thành lập bởi trợ động từ was hoặc were cộng với past participle.

She was playing the piano while they were reading. Was placings và were reacting diễn tả hành động tiếp diễn trong quá khứ; chúng là các dạng quá khứ tiếp diễn.

TEST 4. Sau mỗi đại từ, hãy viết dạng của thì quá khứ tiếp diễn của động từ được cho.

1. to revise he was revising 4. to review they

2. to decline it 5. to quote you

3. to write she 6 to carry I

Vấn đề 5 Ngày mai - Thì tương lai

Để diễn tả điều gì sẽ xảy ra trong tương lai, chúng ta dùng thì future tense. Trợ động từ will sẽ được dùng với future tense.

They will issue the football tickets tomorrow at the stadium box office.

Will issue là future tense (thì tương lai).

TEST 5. Sau mỗi đại từ hãy viết dạng của thì tương lai của động từ được cho.

1. to print it will print

4. to announce they

2. to call she

5. to visit he

3. to edit we

6. to work you

Vấn đề 6 - Hành động tiếp diễn trong tương lai

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

Vâng, có một thì tiếp diễn khác - đó là thì tương lai tiếp diễn. Chúng ta sử dụng thì này để biểu thị hành động sẽ xảy ra liên tục trong tương lai. Thì tương lai tiếp diễn được thành lập bằng cách sử dụng will be cộng với present participle.

Tomorrow he will be demonstrating the new Computer at the exhibit.

Will be demonstrating biểu thị hành động sẽ tiếp diễn vào ngày mai; nó là thì tương lai tiếp diễn.

TEST 6. Sau mỗi đại từ, hãy viết dạng của thì tương lai tiếp diễn của động từ được cho.

1. to confirm you will be confirming

2. to clean he

3. to speak I

4. to taste we

5. to hire

6. to cut

Bài Tập

Đề 1. Hãy gạch dưới động từ trong mỗi một câu sau đây. Rồi trong khoảng trống bên phải, hãy viết thì past, present, hoặc future của mỗi động từ. (Gợi ý: Một câu có thể có nhiều động từ).

1. Long reports usually begin with conclusions and recommendations. 1.

2. The letter focused OR the progress of the new building. 2. _

3. Will he go to the Career Fair at the Student Center? 3. _

4. They will present him with a gift at his retirement party next week. 4. _

5. Edward remembered the talk show host from his high school days. 5. _

6. I hear congratulations are in order for Tim Sanders. 6- _

7. They are two people who really listen to you. 7.

8. The speaker posed a hypothetical question to the audience. 8.

9. I will call the office every other day. 9.

10. I advised him that the adulteress was correct. 10.

Đề 2. Ứng với mỗi một cụm từ trong dấu ngoặc đơn, hãy viết dạng thì hiện tại.

1. The commission (decide) the issue today. 1.

2. You can (sail) away on the ship of your choice. 2.

3. He (call) the office every day when he is out of town. 3.

4. The FDA (advise) patients not to use that particular drug. 4.

5. He (respond) to his official mail promptly. 5.

6. She (recommend) that we have a one-page resume. 6.

7. Ms. Tooley (listen) to what we have to say. 7.

8. Dad (understand) the meaning of the word work. 8.

9. Edward Brothers (own) several stores in Boston. 9.

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

10. That particular accaint (earn) 12 percent interest. 10.

Đề 3. ứng với mỗi động từ trong dấu ngoặc đơn, hãy viết dạng diễn tả thì hiện tại tiếp diễn.

1. James (consult) for a high-tech company in Riverdale. 1.
2. Gerald (inspect) the meat at the food supply warehouse. 2.
3. They (take) a long time to process my application. 3.
4. Her staff calls in from all parts of the country when they (work) in the field. 4.
5. The engineer (write) her report concerning the construction delays. 5.

Đề 4. ứng với mỗi động từ trong dấu ngoặc đơn, hãy viết dạng diễn tả thì quá khứ.

1. They immediately (jump) into the Pacific Ocean to swim. 1.
2. The Harrisons (move) to California about three years ago. 2.
3. I (close) the front door because of the draft. 3.
4. Several of them (suggest) going out for a sandwich. 4.
5. The attorney had (conduct) a jury selection for the case. 5.
6. Verna had (complete) the work in record time. 6.
7. The classrooms (describe) in the report are well-finished. 7.
8. The opponents of the free-trade pact have m(embrace) the concerns of environmental groups. 8.
9. A team of architects and planners have (reinvent) the suburb. 9.
10. One of his guests (question) him about his politics. 10.

Đề 5. ứng với mỗi động từ trong dấu ngoặc đơn, hãy viết dạng diễn tả thì quá khứ tiếp diễn.

1. The author (direct) most of his compliments to his colleagues. 1.
2. They (talk) about the concitions of the plant. 2.
3. He (suggest) that you take the week off for a well-deserved vacation. 3.
4. The participants (note) the irony in his talk. 4.
5. The meteorologist (predict) a mild winter. 5.
6. They (plan) their vacation carefully since they had limited funds. 6.
7. Jerry (design) the sets for the Drama Club's production. 7.
8. Roger (order) dinner when the last guests arrived. 8.
9. A group of volunteers (form) to organize the food drive. 9.
10. The argument (happen) in the next room. 10.

Đề 6. ứng với mỗi động từ trong dấu ngoặc đơn, hãy viết dạng diễn tả thì tương lai.

1. I (give) the directions to the cabdriver. 1.
2. Genetics (play) a strong role in your future. 2.
3. He (drink) about eight glasses of water a day on his new cliet. 3.
4. None of us (go) to the concert tonight because of exams. 4.
5. Before the end of the day, we (collect) enough samples for our survey. 5.

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

6. Ms. Tillman, the head accountant, (visit) LIS this afternoon. 6.
7. To prepare the report, you (need) last months sales figures. 7.
8. Next Friday we (meet) to discuss OLir plans for the move to Chicago. 8.
9. Tomorrow we (propose) another solution. 9.
10. Mr. Quittle (help) you write the proposal. 10.
11. They (prepare) another version of the product. 11.
12. George and I (offer) several alternatives. 12.

Đề 7. ứng với mỗi động từ trong dấu ngoặc đơn, hãy viết dạng diễn tả thì tương lai tiếp diễn.

1. Several of the students (reply) for the one position. 1.
2. We (outline) several chapters for the new book on leadership. 2.
3. I hope the managers (approve) OLir plans at the meeting so that we can move ahead. 3.
4. We (reply) to your letter within the week. 4.
5. The real estate agent (show) the house this afternoon. 5.
6. The product manager (speak) at the stockholders' meeting next week. 6.
7. Jennifer Niinoz (cancel) her trip if the storm continues. 7.
8. Bob and Tom (organize) the tailgate picnic on Saturday. 8.
9. We (review) the applications next week. 9.
10. They (plan) the banquet for the first week in December. 10.
11. Our supervisor (move) to the Detroit office. 11.
12. Clara (travel) to Spain next year. 12.